

Bản án số: 55/2023/HNGĐ -ST
Ngày: 21/9/2023
V/v tranh chấp: Ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trọng Thanh và bà Bùi Thị Vân

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thuỳ Dương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 193/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2023, về việc “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2023/Q Đ-TA ngày 16/9/2023 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1982 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

- ***Bị đơn:*** Anh Lê Văn H, sinh năm 1984 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn S, xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

- ***Người làm chứng:*** Bà Lê Thị C, sinh năm 1959; (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn S, xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Văn H lấy nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương vào ngày 02/07/2020. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên bất đồng quan điểm sống, không hợp tính cách, không tin tưởng nhau và không có sự quan tâm, chia sẻ. Vì vậy, tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, hai bên đã sống ly thân từ đầu năm 2023

đến nay mà không có biện pháp nào cải thiện tình trạng hôn nhân. Chị H xác định tình cảm vợ chồng thực sự không còn, chị làm đơn khởi kiện ly hôn anh H.

Về quan hệ con chung: Chị và anh H có một con chung là Lê Văn H1, sinh ngày 09/12/2022, hiện đang do chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị xin nuôi cháu H1 và tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị xác định chị và anh H không có tài sản chung, không có nợ chung cũng như công sức đóng góp gì với gia đình hai bên nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai, các tài liệu có trong hồ sơ và tại phiên tòa bị đơn là anh Lê Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh nhất trí với ý kiến trình bày chị H về thời điểm và điều kiện kết hôn. Vợ chồng chung sống đến khi chị H sinh con vào cuối năm 2022 thì chị H thay đổi tính nết, không quan tâm đến gia đình, tự ý bỏ đi và sống ly thân với anh mặc dù anh đã nhiều lần động viên khuyên bảo nhưng chị H vẫn kiên quyết ly hôn. Mặc dù anh xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, vợ chồng không thể quay về đoàn tụ, nhưng anh không đồng ý ly hôn.

Về quan hệ con chung: Anh xác định anh chị có một con chung như chị H trình bày. Nếu trường hợp anh chị ly hôn thì anh xin nuôi cháu H1 và không yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Anh xác định anh và chị H không có tài sản chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh H trình bày mẹ anh là bà C có đưa vợ chồng anh số tiền 200.000.000 đồng nhưng không phải là nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh chị không có công sức đóng góp gì với gia đình hai bên.

* Lời khai của bà C – mẹ đẻ của bị đơn anh H: Bà C xác định chị H và anh H quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn, đến nay đã sống ly thân, không thể chung sống được nữa. Chị H làm đơn xin ly hôn, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Bà xác định có đưa cho vợ chồng anh chị số tiền 200.000.000 đồng để anh chị đi chữa có con, nhưng bà không có căn cứ chứng minh và không yêu cầu đề nghị gì liên quan đến số tiền này.

Tại phiên tòa, bị đơn vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Đại diện VKSND huyện Thanh Hà phát biểu ý kiến: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (viết tắt: HĐXX) và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 39 BLDS; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn,

giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, xử cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Lê Văn H. Về con chung: Giao con Lê Văn H1, sinh ngày 09/12/2022 cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết. Về án phí: Chị H phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1]. *Về tố tụng*: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn chị H theo quy định tại Điều 228, Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị H, anh H tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị H và quan điểm của anh H, Hội đồng xét xử thấy: Sau ngày cưới, vợ chồng sống hạnh phúc khoảng hơn 01 năm thì đã nảy sinh mâu thuẫn; nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ việc vợ chồng có bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng không bao ban được nhau, không có sự tin tưởng lẫn nhau. Nay chị H xác định không còn tình cảm với anh H, kiên quyết xin ly hôn. Anh H không đồng ý ly hôn nhưng xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, anh không còn biện pháp gì để vợ chồng quay về với nhau. Xác minh tại địa phương, cung cấp gia đình anh H thể hiện anh chị có mâu thuẫn và không còn chung sống với nhau gần một năm nay, mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị H, anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, xử chị H và anh H ly hôn là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. *Về quan hệ con chung*: Chị H, anh H có một con chung là Lê Văn H1, sinh ngày 09/12/2022. Khi ly hôn, chị H và anh H đều xin nuôi con. HĐXX xét thấy cháu H1 còn nhỏ, dưới 12 tháng tuổi hiện đang do chị H trực tiếp nuôi dưỡng, vì vậy cần giao con chung cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp quy định pháp luật và chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

[4]. *Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với gia đình hai bên*: Chị H và anh H xác định anh chị không có tài sản chung, nợ chung, không có công sức đóng góp với gia đình hai bên và không đề nghị giải quyết nên không đặt ra

xem xét.

[5]. *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Lê Văn H.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung là Lê Văn H1, sinh ngày 09/12/2022 cho chị Nguyễn Thị H tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Lê Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, đối trừ số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu số AA/2022/0000871 ngày 21/6/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Chị H đã thi hành xong nghĩa vụ.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- UBND xã T, huyện Thanh Hà;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hằng